

DANH SÁCH PHÂN CÔNG GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM NĂM HỌC 2026-2027

(kèm theo Quyết định số /QĐ-HTK ngày / /2026)

STT	Mã GV	Họ và tên	Môn	Chức vụ	Chủ nhiệm lớp	Phòng học	Môn học tự chọn	Chuyên đề học tập
1	Sn4	Nguyễn Thị Kim Hà	Sinh-CN	GV	10A1	07	Vật lí, Hóa học, Địa lí, CNNN	Toán, Hóa, Địa
2	Lc3	Đoàn Thị Như Ngà	Lý-CN	GV	10A2	08	Vật lí, Địa lí, KT&PL, CNCN	Toán, Sử, Địa
3	V7	Nguyễn Hồ Như Quỳnh	Ngữ văn	GV	10A3	09	Vật lí, Địa lí, KT&PL, CNCN	Toán, Sử, Địa
4	V4	Nguyễn Thị Hoàng Uyên	Ngữ văn	GV	10A4	10	Vật lí, Địa lí, KT&PL, Tin học	Toán, Lý, Địa
5	V5	Y Tuyt Niê	Ngữ văn	GV	10A5	13	Vật lí, Địa lí, Tin học, CNCN	Toán, Lý, Địa
6	Q3	Nguyễn Hà Nhị	QP	GV	10A6	14	Hóa học, KT&PL, Tin học, CNCN	Văn, Toán, Hóa
7	H5	H' Him Buôn Krông	Hóa	GV	10A7	15	Hóa học, KT&PL, Tin học, CNCN	Văn, Toán, Hóa
8	Sn3	Bùi Thị Hoài Nam	Sinh-CN	GV	10A8	16	Vật lí, Hóa học, Sinh học, CNCN	Toán, Hóa, Sinh
9	T5	Nguyễn Thị Tâm	Toán	GV	10A9	17	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Hóa, Sinh
10	H2	Nguyễn Ngọc Ân	Hóa	TPCM	10A10	18	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Hóa, Sinh
11	T3	Phan Thanh Nhật	Toán	GV	11A1	01	Vật lí, Hóa học, Địa lí, CNNN	Toán, Hóa, Địa
12	Lc4	Nguyễn Văn Cương	Lý-CN	GV	11A2	02	Vật lí, Địa lí, KT&PL, CNCN	Toán, Sử, Địa
13	A4	Y Juin Ktla	Anh văn	GV	11A3	03	Vật lí, Địa lí, KT&PL, Tin học	Toán, Lý, Địa
14	Tt7	Huỳnh Thị Liên	Toán	GV	11A4	04	Vật lí, Địa lí, Tin học, CNCN	Toán, Lý, Địa
15	Sg2	Nguyễn Huy Cường	Sử	GV	11A5	05	Hóa học, KT&PL, Tin học, CNCN	Văn, Toán, Hóa
16	Lc7	H' Sơ Ry	Lý-CN	GV	11A6	06	Vật lí, Hóa học, Sinh học, CNCN	Toán, Hóa, Sinh
17	Tt3	Nguyễn Thị Quỳnh Uyên	Toán	GV	11A7	11	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Hóa, Sinh
18	Tt4	Nguyễn Thế Bình Viên	Toán	TPCM	11A8	12	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Hóa, Sinh
19	D3	Bùi Thị Thùy Dương	Địa	GV	12A1	26	Vật lí, Địa lí, KT&PL, CNCN	Toán, Sử, Địa
20	T2	Phan Ngọc Quý	Toán	GV	12A2	27	Vật lí, Địa lí, KT&PL, Tin học	Toán, Lý, Địa
21	D2	Hoàng Minh Khanh	Địa	TTCM	12A3	28	Vật lí, Địa lí, Tin học, CNCN	Toán, Lý, Địa
22	D5	Thân Thị Minh Phương	Địa	GV	12A4	29	Vật lí, Địa lí, Tin học, CNCN	Toán, Lý, Địa
23	A2	Trần Thị Mỹ Trang	Anh văn	GV	12A5	30	Hóa học, KT&PL, Tin học, CNCN	Văn, Toán, Hóa
24	H3	Ngô Nhân Hòa	Hóa	GV	12A6	31	Hóa học, KT&PL, Tin học, CNCN	Văn, Toán, Hóa

STT	Mã GV	Họ và tên	Môn	Chức vụ	Chủ nhiệm lớp	Phòng học	Môn học tự chọn	Chuyên đề học tập
25	Lc6	Phạm Hùng Linh	Lý-CN	GV	12A7	32	Vật lí, Hóa học, Sinh học, CNCN	Toán, Hóa, Sinh
26	Lc5	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	Lý-CN	GV	12A8	33	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Hóa, Sinh
27	Tt6	Hoàng Bá Đạt	Toán	GV	12A9	34	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Hóa, Sinh
28	A6	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Anh văn	GV	12A10	35	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Hóa, Sinh